Discovery Report

Merchant Integration

Lotte Finance Vietnam

Version 0.2

Status: Draft

Date: 23.03.2021

Prepared by: Thach Anh Tran

Author:

Approved By: Openway Vietnam

1. Table of Contents

[1. Table of Contents 2](#_Toc67411941)

[2. History of changes 3](#_Toc67411942)

[3. Introduction 4](#_Toc67411943)

[3.1. Notations 4](#_Toc67411944)

[4. Requirement List 5](#_Toc67411945)

[4.1. REQV1\_1: Onboarding data integration scheme 5](#_Toc67411946)

[4.1.1. Business Requirement 5](#_Toc67411947)

[4.1.2. Technical Detail 7](#_Toc67411948)

[4.1.3. Limitation 7](#_Toc67411949)

[4.2. REQV1\_2: Onboarding E-Com data model/requirement 7](#_Toc67411950)

[4.2.1. Business Requirement 7](#_Toc67411951)

[4.2.2. Technical Detail 8](#_Toc67411952)

[4.2.3. Testing and Sample 9](#_Toc67411953)

[4.2.4. Limitation 9](#_Toc67411954)

[4.3. REQV1\_3: PLEnable JSONP API 9](#_Toc67411955)

[4.3.1. Business Requirement 9](#_Toc67411956)

[4.3.2. Technical Detail 9](#_Toc67411957)

[4.3.3. Testing and Sample 10](#_Toc67411958)

[4.3.4. Limitation 10](#_Toc67411959)

[4.4. REQV1\_4: 10](#_Toc67411960)

[4.4.1. Business Requirement 10](#_Toc67411961)

[4.4.2. Technical Detail 10](#_Toc67411962)

[4.4.3. Testing and Sample 11](#_Toc67411963)

[4.4.4. Limitation 11](#_Toc67411964)

[4.5. REQV1\_5: Clearing and Transaction void/reversal 11](#_Toc67411965)

[4.5.1. Business Requirement 11](#_Toc67411966)

[4.5.2. Technical Detail 13](#_Toc67411967)

[4.5.3. Testing and Sample 13](#_Toc67411968)

[4.5.4. Limitation 13](#_Toc67411969)

1. History of changes

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| version | date | Description | author |
| 0.1 | 19th March 2021 | Document creating | Thach Anh, Tran |
| 0.2 | 23th | Document updated | Thach Anh, Tran |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Copyright**

© OpenWay Asia Limited 2021. All rights reserved.

The Copyright of this complete document and every part it belongs to OpenWay Asia Limited. Proprietary material, brand or product names of other parties or trademarks remain with their respective owners. You may not, except with our express written permission, distribute or commercially exploit the content. Nor may you transmit it or store it in any other website or other form of electronic retrieval system. Any sample data used in examples below are completely fictitious unless otherwise noted.

**Disclaimer**

This document and the OpenWay Asia software it describes are furnished by OpenWay Asia Limited under a Software Licensing Agreement, Consultancy Agreement, Variation Request or Confidentiality Agreement, and may be used or copied only in accordance with the terms of such Agreement. Neither this document nor the OpenWay Asia software it describes may be used, sold, transferred, copied, translated, reproduced, or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, for any purpose, in whole or in part, other than in accordance with the terms of such Agreement, or otherwise without prior written consent of OpenWay Asia Limited.

This document describes a generic product or service and should be read in conjunction with other documents relevant to the configuration of any specific system. The licensee of OpenWay software or user of OpenWay Asia services is responsible for ensuring that the product or service described herein meets its own requirements.

**Confidentiality**

The information contained in this Document is the property of OpenWay Asia Ltd and contains CONFIDENTIAL information that is produced solely for the benefit of the receiving party named on the front page of this document. The recipient should keep this document and all its information confidential. On no account should this document, in whole or in part, be used, sold, transferred, copied, translated, reproduced, or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, or disclosed or disseminated to any third party, without the express written permission of OpenWay Asia Ltd.

1. Introduction
   1. Notations

Notations used in this document are listed in the table below.

***Table 1. Notations***

| Notation | Description |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

1. Requirement List
   1. REQV1\_1: Onboarding data integration scheme

### Business Requirement

Trích từ nội dung BRD:

|  |
| --- |
| Khách hàng chọn hàng hóa từ trang thương mại điện tử và chọn phương thức thanh toán bằng Pay later LFVN. Tại lựa chọn thanh toán bằng Paylater LFVN hiển thị mặc định thêm nội dung "Tôi đồng ý cho chuyển một số thông tin tài khoản E-Commerce của tôi về Lotte Finance"  *Customer choose goods on E-com & Paylater LFVN to make payment Note: System shows default content "I agree to send E-commerce user information to LOTTE Finance"* |
| Hệ thống gửi yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản E-Com *System send request to provide E-com user information* |
| Đối tác cung cấp các thông tin cho LFVN: *E-com provide information to LFVN:* |
| - Thông tin tài khoản E-com: Account, Giới tính, ĐT, CMND/CCCD đăng ký tài khoản E-Com, ngày kích hoạt *- E-com user information: Account, Gender, Mobile number, ID number, active date of account* |
| - Lịch sử mua hàng của tài khoản E-Com: Lịch sử mua hàng 6 tháng gần nhất. *Purchase history of E-com user in recent 6 months* |
| - Thông tin đơn hàng đang lựa chọn: Chủng loại hàng hóa (Combo/ Ticket/ hàng hóa khác), Địa chỉ giao hàng (Phường, Quận, Thành phố) *Order information: Goods type (Combo/Ticker/other), delivery address (ward, district, province/city)* |
| Hệ thống nhận và lưu trữ các thông tin tài khoản E-Com vào kho dữ liệu của hệ thống Paylater: *System receive & save E-com user information* |
| - Nếu hệ thống Paylater chưa có thông tin tài khoản E-com: tạo mới và insert thông tin *-If not have E-com user information on Paylater system: create new & insert information* |
| - Nếu hệ thống Paylater đã có thông tin tài khoản E-Com: update thêm thông tin từ đối tác *-If having E-com user information on Paylater system: update new information from partner* |

Diagram

Description automatically generatedKết hợp thông tin trên và sau quá trình trao đổi giữa ESI, LFVN và Vntrip, thống nhất thực hiện xử lý đơn hàng và onboarding, với kết quả cuối tạo ra bảng ghi thông tin khách hàng (CIF), thực hiện quá trình underwriting và cuối cùng là tạo giao dịch Auth được mô tả bởi lưu đồ kèm theo:

Lưu đồ gồm 4 bước cơ bản gồm:

1. Kiểm tra khả năng sử dụng phương thức thanh toán PayLater (sử dụng hàm JSONP PLEnable API).
2. Thực hiện thanh toán, bằng cách gửi dữ liệu và chuyển trang sang LFVN.
3. Sau quá trình kiểm tra cũ mới, onboarding, internal check thì xác nhận giao dịch, trước khi tạo giao dịch (dạng auth) thì gọi API của đối tác kiểm tra đơn hàng có sẵn sàng để thanh toán hay không. Nếu có thì thực hiện, nếu không báo kết quả sai.
4. Gửi trả thông tin cập nhật trở lại cho đối tác và chuyển trang trở lại trang báo kết quả thành công, thất bại.

Thông tin kỹ thuật cần thiết cho quá trình trao đổi thông tin bao gồm:

1. Thông tin mã đơn hàng: order\_id (chi tiết về các field khác xem REQV1\_2).
2. LFVN Token: chuỗi định danh an toàn (để xác định order liên quan) do PLEnable tạo ra theo quy tắc riêng (mô tả bởi tài liệu kỹ thuật riêng).
3. Ref\_id: mã số liên kết giữa một mã khách hàng của đối tác với mã khách hàng CIF của LFVN (mỗi merchant sẽ có mã ref\_id khác nhau dù cùng tham chiếu một CIF của LFVN).
4. Thông tin số điện thoại và email: để kiểm tra khách hàng cũ mới, gắn kết thông tin với CIF hiện có của LFVN.
5. Thông tin đảm bảo bảo mật khác hoặc xác thực (HMAC hoặc encryption, token): sẽ định nghĩa ở tài liệu riêng cụ thể khi làm việc với đối tác merchant.

Trong lưu đồ, thì hàm kiểm tra hạn mức khả dụng là hàm do PayLater cung cấp giúp đối tác xác định hạn mức còn lại hoặc trạng thái hợp đồng cho phép thanh toán PayLater. Hàm này yêu cầu và trả các thông tin sau:

1. Đầu vào: Ref\_id và merchant được xác thực tương ứng.
2. Trạng thái hợp đồng: hợp lệ hoặc hết hạn hoặc không tồn tại (trường hợp ref\_id sai).
3. Giá trị số dư khả dụng ở thời điểm truy vấn.

Ngoài ra, chi tiết các hạng mục tương ứng khác cần thực hiện bao gồm sẽ tham chiếu yêu cầu như sau:

1. Data cần trao đổi khi thực hiện onboarding/underwriting khi chuyển trang sang LFVN (tương ứng Đối tác cần cung cấp thông tin cho LFVN) trong quá trình Onboarding, xác thực và bảo mật. REQV1\_2.
2. JSONP PLEnable API: dùng để kiểm tra sơ bộ khả năng được sử dụng PL, chi tiết mô tả ở mục REQV1\_3.
3. Báo lại kết quả thanh toán (thành công, thất bại) và chuyển trang trở lại VNTrip. REQV1\_4
4. Đồng bộ trạng tháng thái đơn hàng, thanh toán và xử lý hoàn huỷ giao dịch. REQV1\_5

### Technical Detail

Các chi tiết kỹ thuật sau đây áp dụng cho phần này:

* Đặc tả API sẽ được cung cấp dạng Swagger 2.0 hoặc OAS 3.0.
* Tài liệu mô tả cách thức tích hợp sẽ được viết chọn lọc luồng cho Vntrip ở giai đoạn này.
* Các field dữ liệu đặc tả trong API có thể nhiều hơn mô tả nghiệp vụ ở trên, nhằm phục vụ các dự tính của ESI dự phòng tương lai về trao đổi dữ liệu và tránh phải viết thêm vào đặc tả API.

### Limitation

NA.

* 1. REQV1\_2: Onboarding E-Com data model/requirement

### Business Requirement

Tham chiếu BRD:

|  |
| --- |
| Đối tác cung cấp các thông tin cho LFVN: *E-com provide information to LFVN:* |
| - Thông tin tài khoản E-com: Account, Giới tính, ĐT, CMND/CCCD đăng ký tài khoản E-Com, ngày kích hoạt *- E-com user information: Account, Gender, Mobile number, ID number, active date of account* |
| - Lịch sử mua hàng của tài khoản E-Com: Lịch sử mua hàng 6 tháng gần nhất. *Purchase history of E-com user in recent 6 months* |
| - Thông tin đơn hàng đang lựa chọn: Chủng loại hàng hóa (Combo/ Ticket/ hàng hóa khác), Địa chỉ giao hàng (Phường, Quận, Thành phố) *Order information: Goods type (Combo/Ticker/other), delivery address (ward, district, province/city)* |

Kết luận các nhóm thông tin trao đổi khi tích hợp giữa merchant và PayLater như sau:

Nhóm thông tin định danh tài khoản E-Com từ merchant gửi cho PayLater để thực hiện:

* Mã số tài khoản (E-Com Account/ID)
* Họ và tên
* Giới tính – optional đối với Vntrip.
* Tuổi – optional đối với Vntrip.
* Điện thoại (di động/cố định): có
* Email: optional đối với Vntrip.
* Mã ID cá nhân và liên quan: Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn. – không có Vntrip.
* Loại ID: CMND/CCCD/Passport
* Mã ID: Số CMND/ CCCD/ Passport
* Ngày cấp
* Nơi cấp
* Nơi cấp
* Ngày kích hoạt hoặc ngày mở mã số tài khoản E-Com.
* Điểm loyalty và hạn sử dụng: optional với Vntrip.

Nhóm thông tin lịch sử mua hàng trong vòng 6-12 tháng (tham số hoá và có thể filter) gần nhất:

* Mã đơn hàng
* Thời điểm mua hàng (tạo đơn)
* Loại hàng hoá: bảng mã.
* Địa chỉ giao hàng và thời điểm giao hàng: không có ở Vntrip.
* Email: giao hàng điện tử.
* Giá trị đơn hàng.
* Phương thức thanh toán đã sử dụng: bảng mã.
* Thời điểm thanh toán thành công.

Thông tin đơn hàng sắp mua:

* Mã đơn hàng
* Loại hàng hoá (Value là combo/Ticket/hàng hoá khác đúng không?)
* Địa chỉ giao hàng: Phường, Quận, Thành phố: không có.
* Email giao hàng điện tử.
* Giá trị đơn hàng (số tổng tiền của đơn = số tiền giải ngân).

Lưu ý bổ sung: các field dữ liệu không có, hoặc optional đối với Vntrip thì vẫn cần định nghĩa lưu trữ trong CSDL, để sử dụng được đối với các Merchant khác trong tương lai (nếu họ có).

### Technical Detail

Các thông tin tương ứng trên sẽ được trao đổi về mặt kỹ thuật, với quy ước sau:

1. Đóng gói dữ liệu: dạng JSON và thông qua REST API (đặc tả bởi swagger được cung cấp bởi đối tác cung cấp API).
2. Các field thông tin thời gian như: ngày tháng năm, giờ phút giây – được yêu cầu sử dụng format dạng ISO8601.
3. Các thông tin bảng mã: ánh xạ theo mỗi merchant tương ứng mã nội bộ quản lý bởi LFVN (trừ trường hợp sử dụng mã theo chuẩn ISO khác nhau).
4. Các loại mã số: đều được chuyển thành chữ hoa, trim (cắt bỏ) các dấu trống, các ký tự đặc biệt, chỉ giữ các ký tự từ A-Z, 0-9 và dấu #.
5. Encoding khi chuyển trang với data dạng binary: Base64URL.
6. Các thông tin trên được PayLater Pull về từ đối tác Vntrip (API do Vntrip cung cấp), kèm cơ chế xác thực cần thiết.
7. Thông tin Lịch sử giao dịch gần nhất sẽ có trường đầu vào cho phép lọc “từ ngày” và “đến ngày”.

### Testing and Sample

NA

### Limitation

NA

* 1. REQV1\_3: PLEnable JSONP API

### Business Requirement

Theo nội dung cuộc họp ngày 18/03/2021 giữa LFVN, ESI, VNTrip, thì phía đối tác VNTrip cần biết khi nào khách hàng check out có thể sử dụng Pay Later và khi nào không (tăng trải nghiệm). Do đó theo ý kiến các bên là cần có 1 API để kiểm tra, dựa trên các thông tin đầu vào như partner account id (id khách hàng của VNTrip), số phone và email (VNTrip chỉ có 1 trong 2 thông tin này). Ngoài ra cần dựa vào thông tin thêm để xác định được khách hàng:

1. Địa bàn phường xã, quận huyện (VNTrip không có thông tin này).
2. Độ tuổi từ 20-60 (VNTrip không có thông tin này)
3. Nghề nghiệp (VNTrip cũng không có thông tin này).

Do đó phía ESI đưa ra nên sử dụng JSONP API, giúp cho thông tin 1 phần để:

1. Sử dụng IP truy vấn JSONP để xác định quốc gia/địa bàn (có thể không chính xác địa bàn). Để từ chối nếu không phải ở lãnh thổ VN truy cập. 🡺sẽ tìm 1 dịch vụ hoặc thu thập subnet IP lãnh thổ VN để kiểm tra.
2. Sử dụng số phone và email (nếu có 1 trong 2) để truy vấn thông tin black list (nếu dùng số phone), hoặc xác định khách hàng cũ mới (email hoặc phone).
3. Truy cập nhanh, quy tắc đơn giản hơn, và có thêm tiện ích thống kê khác nhau (không triển khai trong giai đoạn này).

### Technical Detail

JSONP API: truy vấn và kiểm tra thông qua hình thức JSONP, tức là phía client sẽ tham chiếu HTML thẻ <script> đến URL chỉ định của LFVN. Thông tin gửi trong query string cần thiết sẽ gồm có:

1. Thông tin đơn hàng: order\_id
2. Thông tin mã khách hàng của merchant: account\_id.
3. Thông tin số điện thoại sử dụng trong đơn hàng (nếu có): phone\_no
4. Email sử dụng trong đơn hàng: email.
5. Tham số callback=tên-Function: là tham số của JSONP để trả lại dữ liệu đúng hàm javascript của trang web check out của đối tác.
6. Trường xác thực định danh merchant và chuỗi xác thực bằng HMAC các thông tin order\_id, account\_id, phone\_no, email, được áp dụng khoá secret chia sẻ đối với từng merchant.

Thông tin do JSON API trả lại gồm:

1. Cho phép sử dụng phương thức thanh toán PayLater: pl\_allowed (true hoặc false).
2. Token để check-out sau đó: token (có thể null nếu không cho phép).

### Testing and Sample

### Limitation

Do sử dụng hình thức trao đổi thông tin là JSONP, nên các thông tin phải trao đổi trên query string và không nên chứa các thông tin nhạy cảm. Các thông tin đề xuất là các thông tin riêng của từng khách hàng và do khách hàng cung cấp cho đối tác và được HMAC với chuỗi bí mật chia sẻ với từng Merchant khác nhau, do đó đảm bảo mức độ an toàn, chỉ có Merchant mới có thể sinh chuỗi bí mật.

* 1. REQV1\_4:

### Business Requirement

Khi giao dịch trong quá trình xác nhận, được xác nhận hoặc không xác nhận, thì hệ thống PayLater sẽ báo lại cho đối tác thông tin thanh toán thành công hay thất bại, cùng lúc đó sẽ redirect khách hàng trở lại trang xác nhận thanh toán đơn hàng của merchant. Để đảm bảo an toàn, tin cậy thì PayLater sẽ gọi API của merchant để báo kết quả giao dịch và không cần kèm theo thông tin trạng thái giao dịch. Các trao đổi thông tin gồm:

Khi khách hàng bấm xác nhận (kèm xác thực bổ sung, OTP.. nếu có), thì PayLater sẽ gọi API của đối tác với các thông tin gửi đi và nhận về phải gồm:

* Gửi đi mã đơn hàng order\_id
* Gửi kèm mã xác thực, chuỗi bảo mật… mà đối tác merchant yêu cầu (nếu có).
* Nhận về: lời gọi API thành công
* Trạng thái cho phép đặt hàng.

Khi giao dịch đã được xác nhận (thành công hoặc thất bại) thì PayLater sẽ gọi API của đối tác với các thông tin gồm:

* Gửi đi mã đơn hàng order\_id (do merchant sinh và gửi cho PayLater, phải là mã duy nhất).
* Trạng thái giao dịch: thành công, thất bại.
* Mã lỗi (nếu có và là giao dịch thất bại).
* Mã tham chiếu do PayLater tự sinh, có tính duy nhất và quản lý (nếu quy trình onboarding đã tạo ra và gắn với account của merchant): ref\_id.
* Mã giao dịch (nếu giao dịch Auth đã được tạo ra): transaction\_id, là mã RRN của hệ thống PayLater sinh ra, duy nhất, gửi cho Way4.
* Gửi kèm mã xác thực, chuỗi bảo mật… mà đối tác merchant yêu cầu (nếu có).
* Kết quả nhận về: gọi API thành công (nếu lỗi thì sẽ lặp lại lời gọi 1 số lần sau một khoảng thời gian – có thể tham số hoá 2 thông số này).

Trên đây là giao tiếp giữa PayLater và API của merchant, chi tiết thông tin giao tiếp giữa PayLater và Way4 xin tham chiếu DR\_Vol\_8.

### Technical Detail

Merchant và LFVN cần thống nhất giao thức trao đổi API:

* Giao thức HTTP, kiểu thực hiện REST API, kiểu xác thực hỗ trợ: API-Key và Oauth2.
* Định dạng dữ liệu JSON hoặc XML.
* Tên trường dữ liệu: như yêu cầu nghiệp vụ mô tả.

### Testing and Sample

### Limitation

* 1. REQV1\_5: Clearing and Transaction void/reversal

### Business Requirement

Khi giao dịch được xác nhận thanh toán và check out (thực chất là chỉ cho phép giao dịch auth), LFVN cần thực hiện quy trình thanh toán giao dịch và ghi nhận nợ khách hàng (tính từ thời điểm xác nhận đã chuyển hàng). Ngoài ra quy trình cũng cho phép huỷ giao dịch (nếu giao dịch này merchant chưa gửi yêu cầu ghi nhận nợ khách hàng) hoặc hoàn tiền nếu giao dịch này merchant đã gửi yêu cầu ghi nhận nợ khách hàng (giá trị hoàn tiền sẽ do merchant yêu cầu). Sau quá trình xử lý này, thì việc đối soát, thanh toán tiền.. được LFVN thực hiện bên ngoài hệ thống PayLater.

Phần này mô tả lưu đồ của quy trình này được thực hiện cho đối tác Vntrip, như sau:

MôDiagram

Description automatically generated tả chi tiết quá trình này, như sau:

**REQV1\_5.1. Luồng xác nhận đơn hàng được giao/hoàn tất:**

Sau khi xác nhận thanh toán - gọi là Auth Txn. Vntrip gọi API để thực hiện Fin Txn (hoàn tất giao dịch) với trạng thái thành công:

1. Order ID + Transaction ID (do là bộ tham số xác định duy nhất về giao dịch auth trước đó). Đây là khoá xác định giao dịch đã thực hiện.
2. Trạng thái gửi: hoàn tất.
3. Thời gian xử lý: ngay lúc call API.
4. Cho phép gọi lặp lại và kết quả là lần thành công đầu tiên.

**REQV1\_5.2 Luồng huỷ giao dịch:**

VNTrip gọi API để thực hiện hủy giao dịch:

1. Order ID + Transaction ID (do là bộ tham số xác định tính duy nhất về giao dịch auth trước đó).
2. Ý nghĩa: yêu cầu huỷ giao dịch.
3. Điều kiện: giao dịch chưa Fin (tức chưa gọi 3.1 bên trên). PayLater sẽ gửi thông tin huỷ giao dịch vào Way4 (mã giao dịch RRN liên quan). Mọi hoạt động từ Way4 về giao dịch bị huỷ liên quan xin tham khảo DR\_Vol\_14, DR\_Vol\_16.
4. Cho phép gọi lặp lại mà kết quả là lần thực hiện đầu tiên.

**REQV1\_5.3 Luồng hoàn tiền giao dịch:**

VNtrip gọi API để thực hiện hoàn tiền giao dịch

1. Order ID + Transaction ID (do là bộ tham số xác định tính duy nhất về giao dịch auth trước đó).
2. Ý nghĩa: hoàn tiền cho giao dịch đã Fin.
3. Điều kiện: giao dịch đã Fin rồi, PayLater sẽ gửi thông tin hoàn tiền vào Way4 (số tiền, mã giao dịch RRN liên quan). Mọi hoạt động về giao dịch hoàn tiền trong Way4 liên quan xin tham khảo DR\_Vol\_14, DR\_Vol\_16.
4. Cho phép gọi lặp lại mà kết qủa là lần thực hiện đầu tiên.

### Technical Detail

Do có thể số lượng dữ liệu giao dịch có thể là nhiều, lại phụ thuộc vào hệ thống core và nếu xử lý không đúng lúc thích hợp có thể gây quá tải hệ thống core. Nên các hàm trên sẽ thực hiện theo mô hình xử lý bất đồng bộ, cụ thể:

* Hàm sẽ tiếp nhận thông tin từ merchant, cho phép 1 bản ghi mỗi lần (chưa hỗ trợ nhiều bản ghi).
* Hệ thống sẽ ghi nhận bản ghi vào cơ sở dữ liệu và báo trả lại mã khoá của bản ghi vừa tạo (để tham chiếu). Hệ thống sẽ bỏ qua không tạo bản ghi (có cảnh báo trùng lặp) nếu mã tham chiếu đầu vào bị lặp. Bản ghi sẽ được coi như vào hàng đợi xử lý.
* Hệ thống sẽ xử lý các bản ghi trong hàng đợi kết thúc quá trình, cập nhật trạng thái trong cơ sở dữ liệu của PayLater.
* Merchant có thể truy vấn lại thông tin trạng thái của bản ghi sau đó, hoặc chờ kết quả đối soát ở ngoài hệ thống PayLater qua tiện ích User Portal.

### Testing and Sample

### Limitation

Chưa hỗ trợ xử lý batch (nhiều giao dịch trong 1 lần xử lý)